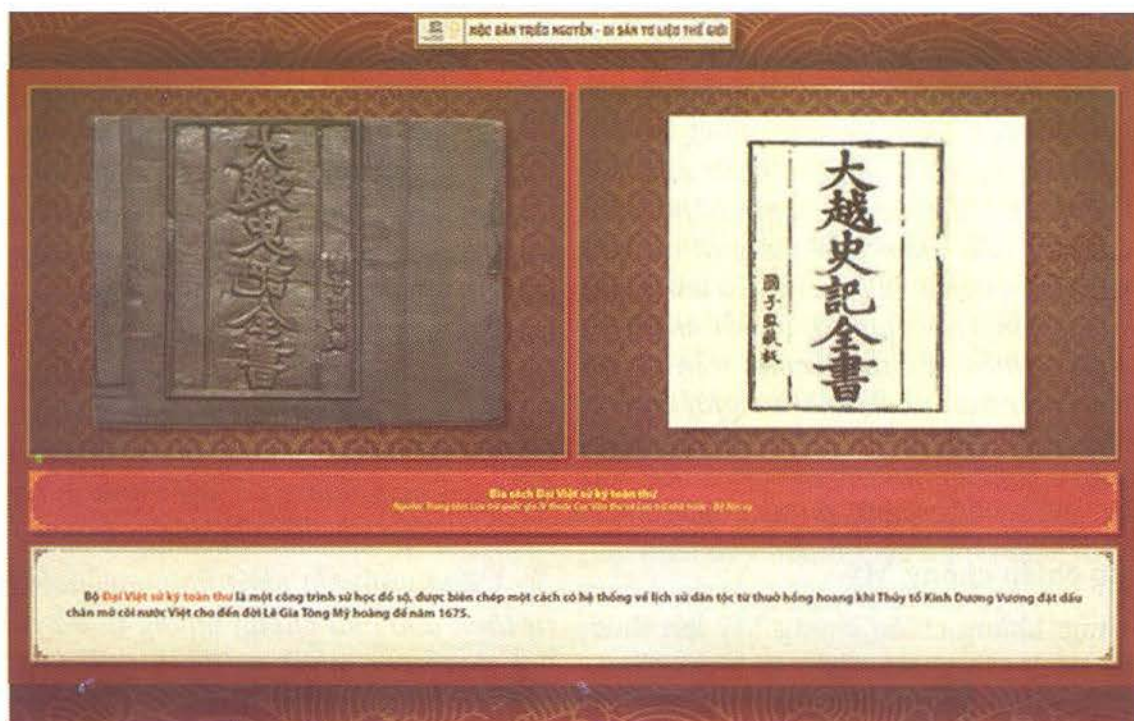


## QUỐC HIỆU VÀ KINH ĐÔ NƯỚC VIỆT TRONG MỘC BẢN TRIỀU NGUYỄN - DI SẢN TƯ LIỆU THẾ GIỚI

ThS. ĐÀO THỊ HẠNH  
Tạp chí Văn thư - Lưu trữ Việt Nam  
TRẦN THỊ MINH  
Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV

**T**rong dặm dài lịch sử, nước ta đã nhiều lần dời kinh đô, đổi thay quốc hiệu. Lịch sử mỗi lần thay đổi ấy đều được ghi chép trong sử liệu của các triều đại, mà minh chứng xác thực gần nhất là thông tin từ khối tài liệu Mộc bản triều Nguyễn - Di sản Tư liệu

thế giới. Ngoài ra, còn có nhiều tài liệu nói đến quốc hiệu và kinh đô đất nước trong lịch sử, nằm trong các bộ cổ sử giá trị như: *“Khâm định Việt sử thông giám cương mục”*, *“Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập”* và đặc biệt là bộ *“Đại Việt Sử ký toàn thư”*.

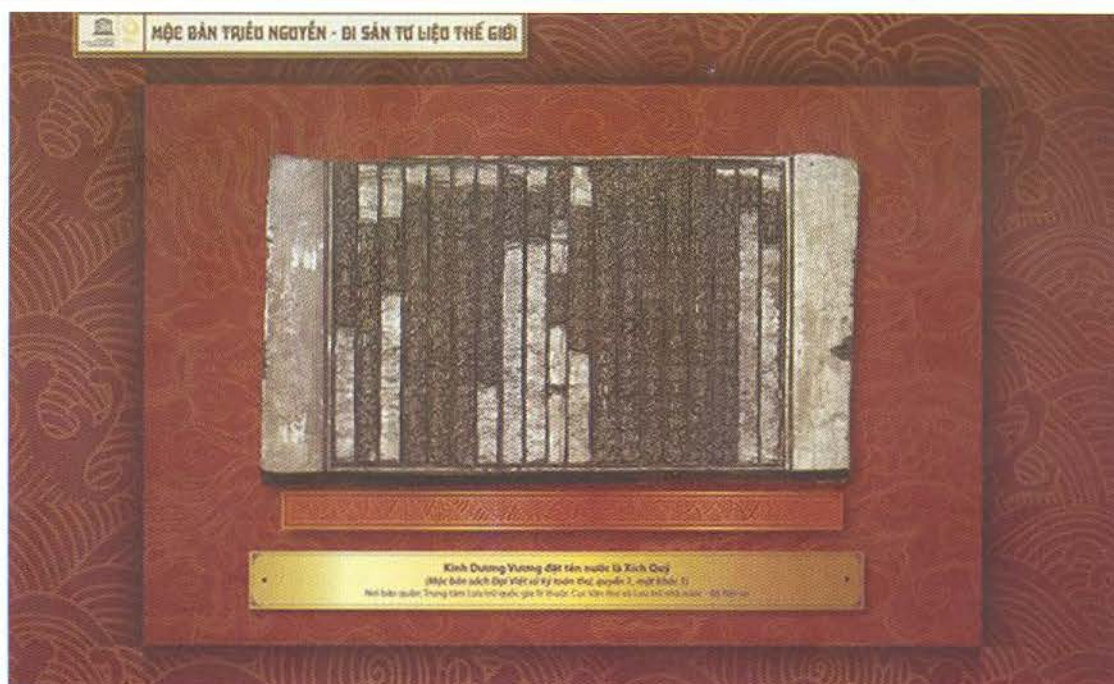


Mộc bản sách “Đại Việt Sử ký toàn thư”

Quốc hiệu và kinh đô của nước ta được bắt đầu là từ nước Xích Quỷ Trong Mộc bản sách *“Đại Việt Sử ký toàn thư”* có ghi

chép về việc Kinh Dương Vương cho đặt tên nước là **Xích Quỷ**. Theo truyền thuyết, Kinh Dương Vương là đức thủy tổ khai





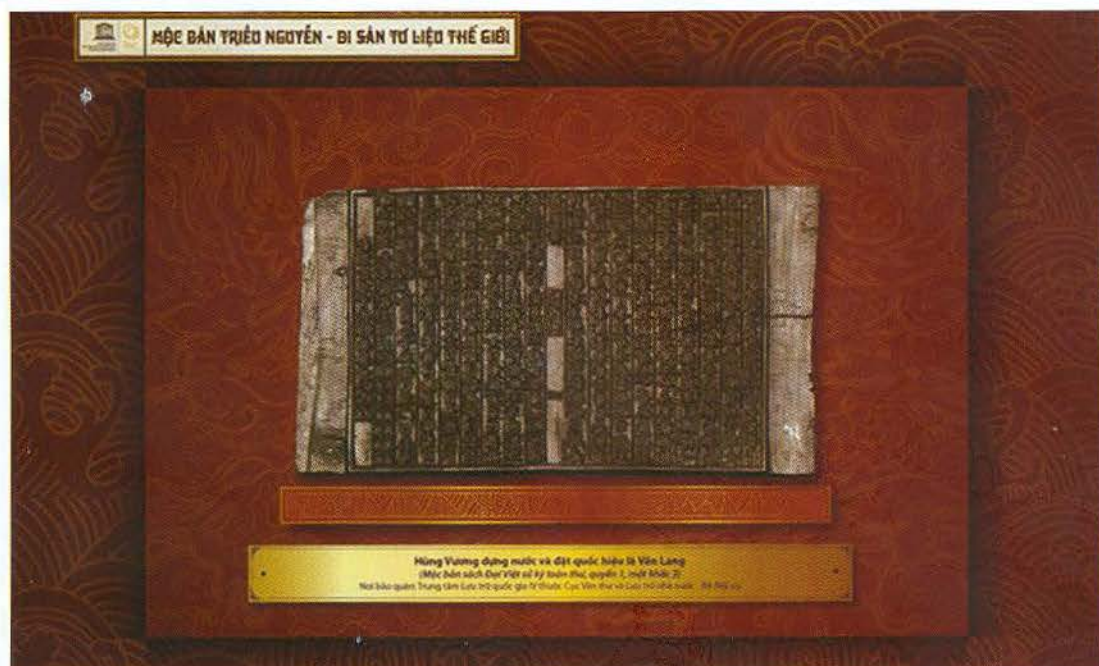
Mộc bản sách “Đại Việt Sử ký toàn thư” và “Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập” nói về việc đặt tên nước Xích Quỷ

sinh mở nước của dân tộc Việt Nam. Ngài là con thứ của Đế Minh tên là Lộc Tục, được cha phong cho làm vua phương Nam, lập ra nước Xích Quỷ, “Nhâm Tuất, năm thứ 1. Xưa cháu 3 đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sau Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra Vua Kinh Dương. Vua là bậc thánh trí thông minh, Đế Minh rất yêu quý, muốn cho nối ngôi. Vua cố nhường cho anh, không dám vâng mệnh. Đế Minh mới lập Đế Nghi là con nối ngôi, cai quản phương Bắc, phong cho vua làm Kinh Dương Vương, cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ”<sup>1</sup>.

Kinh Dương Vương lấy con gái của Thần Long sinh ra Lạc Long Quân. Hùng Vương là con của Lạc Long Quân, đóng đô ở **Phong Châu** (nay là tỉnh Phú Thọ). Hùng Vương lên ngôi đặt quốc hiệu là **Văn Lang**. Nhà nước Văn Lang truyền qua 18 đời đều gọi là Vua Hùng “Con của Lạc Long Quân (không rõ tên húy), đóng đô

ở **Phong Châu** (nay là huyện Bạch Hạc). Hùng Vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là **Văn Lang**. Nước này phía Đông giáp biển Nam Hải, Tây đến Ba Thục, Bắc đến hồ Động Đình, Nam giáp nước Hồ Tôn, tức nước Chiêm Thành, nay là Quảng Nam, chia nước làm 15 bộ là: Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức đều là đất thần thuộc của Hùng Vương, còn bộ gọi là **Văn Lang** là nơi vua đóng đô”<sup>2</sup>. Sau khi lập nên nhà nước Văn Lang, Hùng Vương “**đóng đô ở Phong Châu** Hồng Bàng thị. Thời đầu là Kinh Dương Vương, tương truyền là vua trước tiên của nước Việt ta. Kinh Dương Vương sinh Lạc Long Quân. Hùng Vương là con Lạc Long Quân”<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, để xây dựng nhà nước Văn Lang “Hùng Vương sắp đặt tên các quan (tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng, con trai Vua thì kêu là Quan lang, con gái Vua

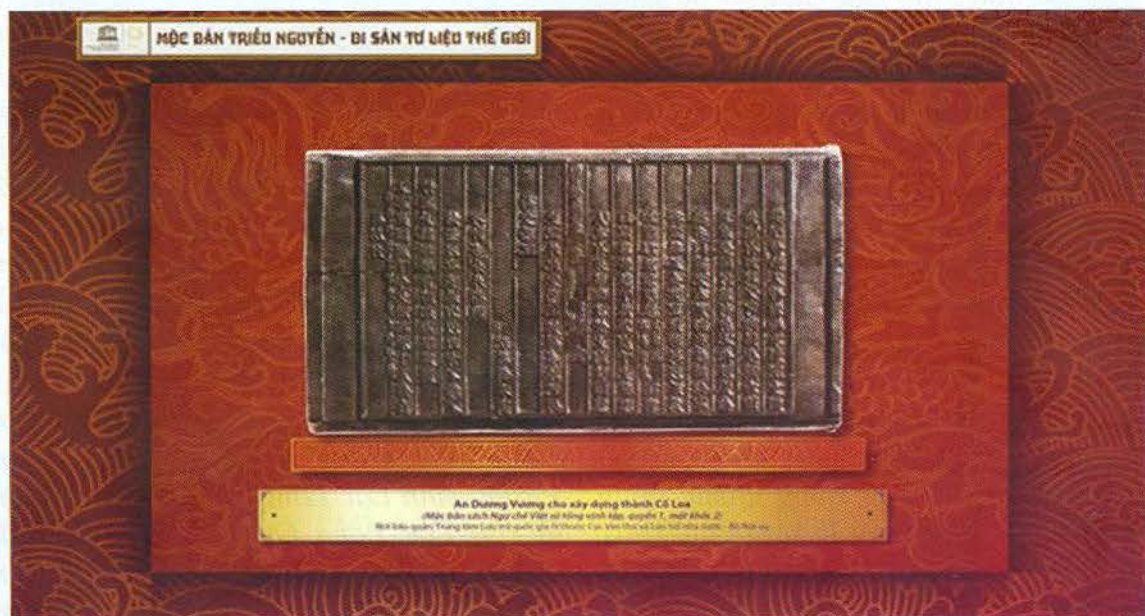




*Mộc bản sách “Đại Việt Sử ký toàn thư” và “Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập” ghi chép về thời đại Hùng Vương và bộ máy nhà nước Văn Lang*

gọi là Mị nương, quan Hữu ty gọi là Bô chánh). Đời đời cha truyền con nối gọi là Phụ đạo (Đạo cha). Hùng Vương truyền 18 đời vua, trải hơn 2.600 năm”<sup>4</sup>.

Kế tiếp nhà nước Văn Lang là nhà nước Âu Lạc do Thục Phán - An Dương Vương sáng lập. “Thục Vương đã lấy được nước Văn Lang, đổi tên nước là Âu Lạc, đóng



*Tài liệu Mộc bản ghi chép về việc năm 257 TCN, An Dương Vương đổi quốc hiệu là Âu Lạc và cho đắp thành rộng nghìn thước, cuốn tròn như hình con ốc ở Cổ Loa gọi là Loa thành*



## Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

đô ở Phong Khê. Sử cũ chép: Vua họ Thục, húy Phán, người đất Ba Thục. Bấy giờ nhà vua đã lấy được Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê”<sup>5</sup>.

Sau khi An Dương Vương thất bại trước cuộc xâm lược của Triệu Đà, nước ta rơi vào tay phong kiến phương Bắc. Trong 1.000 năm Bắc thuộc có nhiều cuộc nổi dậy để lật đổ ách thống trị, nổi bật là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Sau khi đánh đuổi quân Tô Định ra khỏi bờ cõi, Hai Bà Trưng dựng nước, xưng vương, cho đóng đô ở **Mê Linh**. “Trưng Vương ở ngôi 3 năm. Vua rất hùng dũng, đuổi Tô Định, dựng nước xưng vương, nhưng vì là vua đàn bà, không thể làm nên công tái tạo.

Tên húy là Trắc, họ Trưng. Nguyên là họ Lạc, con gái của Lạc tướng huyện Mê Linh, Phong Châu, vợ của Thi Sách ở huyện Chu Diên... Đóng đô ở Mê Linh”<sup>6</sup>.

Đến năm 542, lịch sử dân tộc đã bước sang một trang mới với sự kiện Lý Bôn

còn gọi là Lý Bí lãnh đạo quân Giao Châu đánh bại Thứ sử Tiêu Tư của nhà Lương. Mùa xuân năm 544, Ông lên ngôi xưng là Nam Việt Đế “Vua họ Lý, tên húy là Bí, người Thái Bình, phủ Long Hưng... Vua có tài văn võ, trước làm quan với nhà Lương, gặp loạn, trở về Thái Bình. Bấy giờ bọn thủ lĩnh tàn bạo hà khắc, quân Lâm Ấp cướp phá ngoài biên, vua dấy binh đánh đuổi được, xưng là Nam Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên”<sup>7</sup>. “Với quốc hiệu mới, người đứng đầu nhà nước Vạn Xuân có ý mong xã tắc được bền vững muôn đời. Tháng giêng, mùa Xuân. Lý Bí tự xưng là Nam Việt đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, tên nước là Vạn Xuân. Lý Bí nhân thắng quân địch, tự xưng đế, đặt niên hiệu gọi tên nước là Vạn Xuân, có ý mong xã tắc lâu dài đến muôn đời, dựng điện Vạn Xuân để làm chỗ triều hội”<sup>8</sup>.

Đến năm 548, vua Lý Nam Đế mất, Triệu Việt Vương làm vua nước Vạn Xuân,



Mộc bản Sách Đại Việt Sử ký toàn thư, Quyển 4, mặt khắc 4 nói về việc Lý Nam Đế đặt Quốc hiệu Vạn Xuân và cho đóng đô ở Long Biên

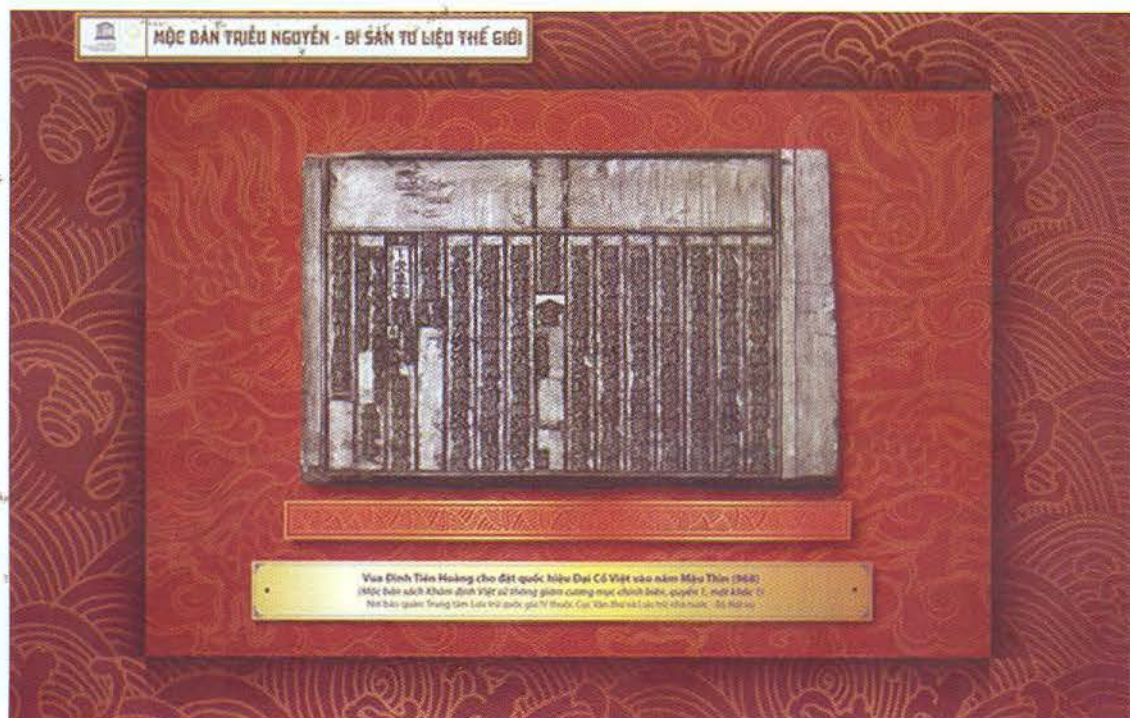


đóng đô ở Long Biên, “Vua họ Triệu, tên húy là Quang Phục, là con Triệu Túc, người huyện Chu Diên, uy tráng dũng liệt, theo Nam Đế đi đánh dẹp có công, được trao chức Tả tướng quân. Nam Đế mất, bèn xưng vương, đóng đô ở **LONG BIÊN**, sau dời sang Vũ Ninh”<sup>9</sup>.

Trải qua gần 400 năm lịch sử, với nhiều thăng trầm của thời cuộc. Năm 938, với chiến thắng vĩ đại trên sông Bạch Đằng, trước vó ngựa xâm lược của quân Nam Hán, Ngô Quyền lên ngôi và cho đóng đô ở **Loa Thành (Thành Cổ Loa)**. Ngô Quyền mang “họ Ngô, tên húy là Quyền, người Đường Lâm, đời đời là nhà quý tộc. Cha là Mân làm chức châu mục ở châu ấy. Khi vua mới sinh có ánh sáng lạ đầy nhà, dung mạo khác thường, có 3 nốt ruồi ở lưng, thầy tướng cho là lạ, bảo có thể làm chủ một phương, nên mới đặt tên là Quyền. Đến khi lớn lên, khôi ngô, mắt sáng như chớp, dáng đi thông thả như hổ, có trí dũng, sức có thể nâng được vạc; làm nha

tướng của Dương Đình Nghệ, được Đình Nghệ gả con gái và cho cai quản Ái Châu. Sau này giết Kiều Công Tiễn, tự lập làm vương, đóng đô ở Loa Thành”<sup>10</sup>.

Năm 944, vua Ngô Quyền mất. Một năm sau, Dương Tam Kha chiếm khôi và xưng là Bình Vương. Con trai Ngô Quyền là Ngô Xương Ngập chạy về Nam Sách (Hải Dương) tạo nên cuộc tranh chấp ngôi báu giữa nhà Ngô và ngoại tộc. Kết quả, Dương Tam Kha bại trận, Ngô Xương Ngập cùng em là Ngô Xương Văn nắm lại quyền lực. Bởi cả hai anh em cùng nắm quyền, triều đình nhà Ngô trở nên rối ren hơn bao giờ hết, các sứ quân cát cứ hình thành và nổi dậy. Biết được tình hình đó, Đinh Bộ Lĩnh với vị thế là “con viên quan” triều đình nhà Ngô, danh thế gia tộc, lại là người có tài năng và ý chí, đã sớm tập hợp lực lượng để trở thành người đứng đầu sách Đào Úc, làm thủ lĩnh châu Đại Hoàng, lấy động Hoa Lư làm căn cứ ban đầu, thực hiện sự nghiệp thống nhất đất nước.



Mộc bản nói về việc vua Đinh Tiên Hoàng cho đặt Quốc hiệu là Đại Cồ Việt vào năm Mậu Thìn (968)



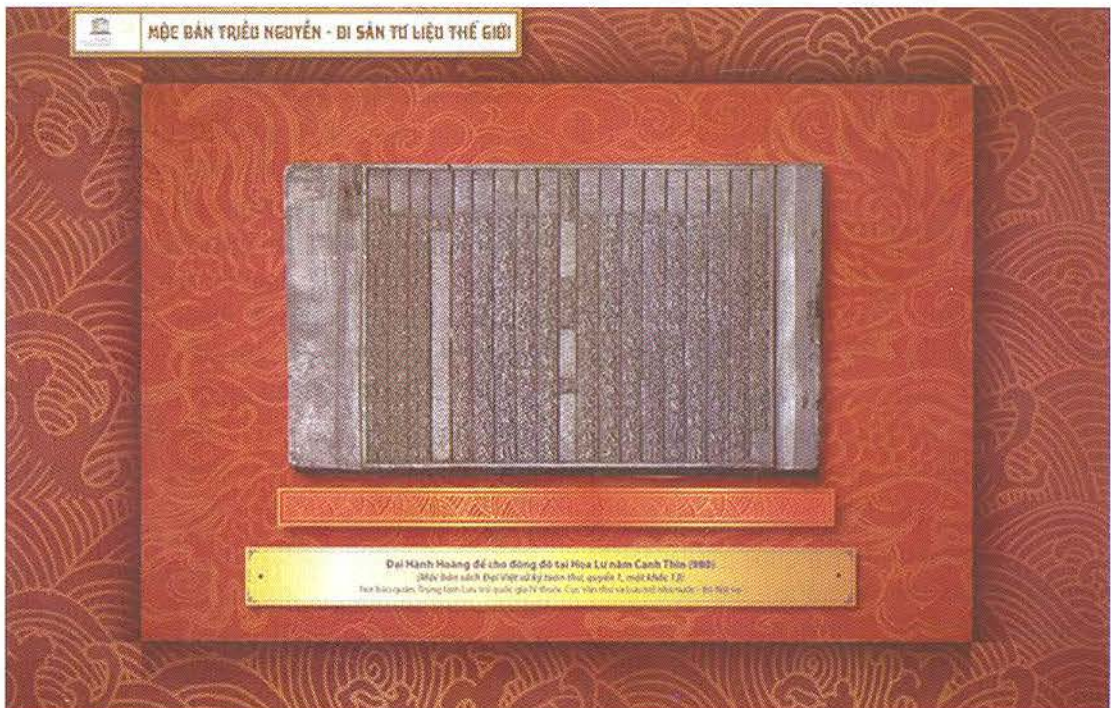
Sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, vào năm 968 Đinh Tiên Hoàng lên ngôi “Mậu Thìn (968), Đinh Tiên Hoàng đế năm thứ nhất. Vạn Thắng Vương lên ngôi Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Vua người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, cha là Công Trứ, mẹ họ Đàm. Công Trứ, trước kia làm Nha tướng của Dương Diên Nghệ, tạm giữ chức Thứ sử Hoan Châu...”<sup>11</sup>.

**Đinh Tiên Hoàng cho đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt**, “Đóng đô ở Hoa Lư. Nhà vua muốn đóng kinh đô ở thôn Đàm nhưng vì ở đây, đất đã chật hẹp, lại không có thể hiểm trở, nên mới dựng kinh đô mới ở Hoa Lư; đắp thành, đào hào, làm cung điện, đặt nghi lễ trong triều”<sup>12</sup>. “Hoa Lư ở về sơn phận hai xã Uy Viễn và Uy Tế thuộc Ninh Bình. Nơi đây bốn mặt đều có núi đá đứng thẳng như bức vách, trong có một chỗ hơi bằng phẳng rộng rãi, người xứ ấy gọi là động Hoa Lư. Theo sách An Nam kỷ yếu, Hoa Lư ở về huyện Lê Bình. Lê Bình bây giờ là Gia Viễn, trong lòng động rộng hàng

hai trượng có một cái lạch nước quanh co uốn khúc chảy đến phía nam thành Hoa Lư. Thành Hoa Lư cũng ở huyện Lê Bình. Họ Đinh nhân thế núi đắp thành ấy chu vi năm trăm trượng”<sup>13</sup>.

Sau khi lên ngôi vua Đinh Tiên Hoàng cho sắp đặt quan chế và xây dựng bộ máy nhà nước “Để muốn lấy uy quyền của mình để chế ngự thiên hạ, bèn đặt cái vạc lớn ở giữa sân rồng và nuôi mãnh hổ ở trong cũi gỗ lớn. Để hạ lệnh nói: Ai mà trái phép luật nhà nước thì sẽ bị bỏ vào vạc nấu, hay bỏ vào cũi cho cọp ăn thịt, cho nên các tội nhân đều khiếp sợ, không ai dám tái phạm nữa. Đinh Tiên Hoàng sắp đặt phẩm trật và giai cấp cho các quan văn, võ trong triều đình và các tầng đạo trong nước, định mười đạo quân, chế áo mũ các quan văn, võ và phong Lê Hoàn làm tướng chỉ huy mười đạo quân. Đinh Tiên Hoàng trị vì được 12 năm”<sup>14</sup>.

Năm 979, vua Đinh Tiên Hoàng và Nam Việt vương Đinh Liễn bị sát hại, Đinh



Mộc bản nói về việc vua Đinh Tiên Hoàng cho đóng đô tại Hoa Lư năm Canh Thìn (980)



Toàn khi đó mới 6 tuổi lên nối ngôi. Thập đạo tướng quân Lê Hoàn được cử làm nhiếp chính đảm đương việc nước, xưng là Phò Vương và trực tiếp dẹp tan những lực lượng chống đối trong nội bộ triều đình. Dẹp được hiểm họa nội bộ nhưng đất nước lại đứng trước họa xâm lăng mới từ phương Bắc. Tháng 6-980, Tri Ung Châu của nhà Tống là Hầu Nhân Bảo dâng thư khuyên vua Tống lựa thời cơ nước Nam đang rối ren, vua còn nhỏ, đem quân chinh phạt. Vua Tống nghe theo. Trước tình hình đó, Lê Hoàn được quân sĩ và Dương Thái hậu đồng tình tôn lên ngôi vua thay Đinh Toàn.

Trong *Mộc bản sách Đại Việt Sử ký toàn thư, quyển 1, mặt khắc 13* ghi rõ “Đại Hành Hoàng đế. Họ Lê, tên húy là Hoàn, người Ái Châu, làm quan nhà Đinh đến chức Thập đạo tướng quân; quân Tống xâm lược đem quân ra chống cự, rồi thay nhà Đinh làm vua, ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi (941-1006), băng ở điện Trường Xuân. Vua trẻ nội gian mà lấy được nước,... thay họ Đinh làm vua, đóng đô ở HOA LƯU”<sup>15</sup>.

Có thể nói dưới thời nhà Đinh, Tiền Lê, đất nước được tương truyền:

Cồ Việt quốc đương Tống Khai Bảo

Hoa Lư đô thị Hán Tràn An

Ấy là sự ví sánh nước Đại Cồ Việt với nước Tống thời Khai Bảo thịnh trị, kinh đô Hoa Lư với kinh đô Tràn An của nhà Hán.

Quốc hiệu Đại Cồ Việt tồn tại 86 năm trong lịch sử qua thời nhà Đinh, Tiền Lê và đầu thời nhà Lý.

*(Còn nữa)*

**Chú thích:**

1. Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 1, mặt khắc 1, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ
2. Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 1, mặt khắc 3, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ
3. Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục tiền biên, quyển 1, mặt khắc , Trung

tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

4. Mộc bản sách Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập, quyển 1, mặt khắc 1, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

5. Mộc bản sách Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập, quyển 1, mặt khắc , Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

6. Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 3, mặt khắc 2, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

7. Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 4, mặt khắc 14, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

8. Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục tiền biên, quyển 4, mặt khắc 2, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

9. Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 4, mặt khắc 18), Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước - Bộ Nội vụ

10. Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 5, mặt khắc 20, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

11. Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên, quyển 1, mặt khắc 1, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

12. Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên, quyển 1, mặt khắc 2, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

13. Mộc bản sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục tiền biên, quyển 5, mặt khắc 24, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

14. Mộc bản sách Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập, quyển 1, mặt khắc 20, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước – Bộ Nội vụ

15. Mộc bản sách Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 1, mặt khắc 13, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước - Bộ Nội vụ